TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA KỸ THUẬT Y SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/BG-KTYS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty.

Trường Đại học Quốc tế có nhu cầu lập dự toán mua sắm hóa chất phục vụ đề tài Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học từ lá trầu không (Piper bettle) kết hợp với nano bạc trong phòng chống một số bệnh hai chính trên cây điều tỉnh Bình Phước, theo danh mục như sau:

Stt	Nội dung	Model	Hiệu/ Xuất xứ	Quy Cách/ Thụng số	Đơn vị tớnh	Số lượng
1	Cồn 70		Phan Mười/Việt Nam	Can 5L cồn 70 độ.	Can 5L	16
2	Cồn 70		Phan Mười/Việt Nam	Can 30L cồn 70 độ.	Can 30L	10
3	Cồn 96		Phan Mười/Việt Nam	Can 30L cồn 96 độ.	Can 30L	10
4	Cồn tuyệt đối		Cemaco/Việt Nam	Chai 1L cồn 99.5%. Cụng thức phõn tử: C2H6O; Trọng lượng phõn tử: 46 g/mol. Chất lỏng trong khụng màu.	Chai 1L	10
5	Hexan		JHD/Trung Quốc	Chai thủy tinh 500ml n-C6H14; Cụng thức húa học: CH3(CH2)4CH3; Đậy kớn sau khi sử dụng; Bảo quản nơi khụ rỏo, thoỏng mỏt, trỏnh ỏnh nắng trực tiếp.	Chai 500mL	4
6	Diethyl eter		Cemaco/Việt Nam	Chai thủy tinh 500ml (C2H5)2O; Dyethyl Ether là chất lỏng khụng màu; Điểm núng chảy: -116,3 °C	Chai 500mL	4
7	DMSO		Xilong/Trung Quốc	Chai thủy tinh 500ml, húa chất tinh khiết, chất lỏng khụng màu; Cụng thức húa học C2H6OS.	Chai 500mL	32
8	Acid lactic		Xilong/Trung Quốc	Chai 500ml Acid lactic 99.5%; Cụng thức húa học: C3H6O3; Hoỏ chất khụng màu, cú mựi nhẹ và điểm sụi đạt 122 độ C; Điểm núng chảy 16,8 độ C Khối lượng phõn tử 90,08g/mol;	Chai 500mL	1
9	Glycerol		JHD/Trung Quốc	Chai 500ml Glycerol Cụng thức phõn tử:	Chai 500mL	1

Stt	Nội dung	Model	Hiệu/ Xuất xứ	Quy Cách/ Thụng số	Đơn vị tớnh	Số lượng
				C3H8O3; Khối lượng phõn tử: 92.09 g/mol; Ngoại quan: Chất lỏng khụng mầu; Mựi: Khụng mựi.		
10	Potato Dextrose Agar	1.10130.0500	Merck	Quy cỏch đúng gúi: 500 g/chai. Ứng dụng: Để nuụi cấy, phõn lập và thống kờ cỏc loại nấm men và nấm mốc từ thực phẩm và cỏc vật liệu khỏc.	Chai 500g	3
11	NaCl		JHD/Trung Quốc	Chai 500g NaCl ≥ 99.5%. Độ pH: 5.0 - 8.0; Điểm nõng chảy: 801 độ C Mật độ tỷ trọng 2.16g/cm3; Điểm độ sụi 1413 độ C; Độ hũa tan trong nước 35.9g/ml (25 độ C).	Chai 500g	1
12	Czapek Dox Broth	GM076-500G	Himedia/Ấn Độ	Quy cỏch đúng gúi trong chai nhựa 500g; Hõnh thể: hạt; Màu sắc: màu kem đến vàng; Màu sắc và độ trong của mụi trường pha chế: Dung dịch àu vàng nhạt, trong suốt đến hơi đục trong ống pH (ở 25 °C): 7,3 ± 0,2; Bảo quản ở 10-30 °C.	Chai 500g	3
13	Xanh methylen		JHD/Trung Quốc	Chai nhựa 25g dạng bột màu xanh C16H18ClN3S; Quy cỏch: 25G; Khối lượng phõn tử 373.90 MP ~ 180oC; Dạng tinh thể màu xanh đậm.	Chai 25g	1
14	Folin-Ciocalteu	RM10822-100ML	Himedia/ Ấn Độ	Chai thủy tinh 100ml; Thuốc thử Folin—Ciocalteu reagent (FCR) hay Folin's phenol reagent hay Folin—Denis reagent là hỗn hợp của phosphomolybdate và phosphotungstate.	Chai 100mL	1
15	Quercetin dihydrate	RM6191-25G	Himedia/ Ấn Độ	Quercetin; Cụng thức: C15H10O7; Khối lượng phõn tử: 302,236 g/mol; Tỷ trọng: 1,8 g/cm³	Chai 25g	1
16	AlCl3		JHD/Trung Quốc	Chai nhựa 500g; Cụng thức hóa học: AlCl3.6H2O; Khối lượng phõn tử: 241,43 g/mol; Độ nõng chảy: 100°C.	Chai 500g	1

Stt	Nội dung	Model	Hiệu/ Xuất xứ	Quy Cách/ Thụng số	Đơn vị tớnh	Số lượng
17	CH3COOK		JHD/Trung Quốc	Chai nhựa 500g, loại tinh khiết cho thớ nghiệm.	Chai 500g	1
18	Chitosan	CB0660	Bio Basic/Canada	Chai nhựa 500g, Chitosan tinh khiết; CAS: 9012-76-4.	Chai 500g	1
19	Agarose I (Molecular Biology Grade)	A0169-10G	Sigma/Mỹ	CAS Number 9012-36-6, Manufacturer Part No: SIAL-A0169-10G.	Chai 25g	1
20	TE Buffer (Tris-EDTA)	T9650-1L	Sigma/Mỹ	Chai 1L, khụng cú protease, DNase và Rnase.	Chai 1L	2
21	PBS buffer	D8537-500ML	Sigma/Mỹ	Chai 500ml dạng lỏng, được lọc vụ trựng, khụng cú DNase và RNase, khụng chứa glucose và natri pỷuvate.	Chai 500mL	1
22	Colletotrichm gloeosporioides/ G-15-3	mya-456	ATCC/Mỹ	Tuýp, giống nấm chuẩn gõy bệnh thõn thư, dụng trong nghiờn cứu khả năng gõy bệnh trờn cõy điều.	Tuýp	1
23	AgNO3		Xilong/Trung Quốc	Chai 100g AgNO3, độ tinh khiết 99% CAS 7761-88-8; Cụng thức húa học: AgNO3; Khối lượng phõn tử: 169,87 g/mol; Khối lượng riờng: 5.35 g/cm3.	Chai 100g	4
24	AgNO3		Xilong/Trung Quốc	Chai 500g, độ tinh khiết 99%, CAS 7761-88-8; Cụng thức húa học: AgNO3Khối lượng phõn tử: 169,87 g/mol; Khối lượng riờng: 5.35 g/cm3	Chai 500g	2
25	PVA (Polyvinyl alcohol)		Thượng hải /Trung Quốc	Chai nhựa 500g (-CH2CHOH-)n, Hoỏ chất tinh khiết Polyvinyl alcohol PVA.	Chai 500g	12
26	PVP (Polyvinyl pyrrolidone)		Thượng hải /Trung Quốc	Chai nhựa 100g PVP Dạng rắn, màu trắng đến trắng ngà.	Chai 100g	12
27	Trisodium citrate		Xilong/ Trung Quốc	Tờn sản phẩm: Húa chất Trisodium citrate dihydrate MW C6H5Na3O7.2H2O = 294.10; Tờn gọi khỏc: Natri citrat Dạng tinh thể màu trắng Chai 500g.	Chai 500g	7
28	Ascorbic acid		Xilong/ Trung Quốc	Chai 100g Ascorbic acid Molecular weight C6H8O6 = 176.09; Dạng bột hoặc tinh thể màu trắng;	Chai 100g	2
29	Tween 80	8221871000	Merck/Đức	Chai 1 lớt, dạng lỏng, màu vàng; Điểm sụi > 100 °C (1013	Chai 1L	1

Stt	Nội dung	Model	Hiệu/ Xuất xứ	Quy Cỏch/ Thụng số	Đơn vị tớnh	Số lượng
				hPa); Tỷ trọng: 1,07 g/cm3 (25 °C); Điểm chớp chỏy > 113 °C; Giỏ trị pH: 5 - 7 (50 g/l, H_2O, 20 °C); ẽp suất hơi <1,33 hPa.		
30	Mụi trường Mueller-Hinton Agar MHA		Himedia/Ấn Độ	Chai nhựa 500g dạng bột, khụng tiệt trụng; Thành phần: agar 17.0 g/L, beef infusion solids 2.0 g/L, casein hydrolysate 17.5 g/L, starch 1.5 g/L, Độ pH 7.3±0.2 (25°C). Ứng dụng Thử nghiệm vi sinh lõm sàng; Nhiệt độ bảo quản 10-30°C.	Chai 500g	1
31	Tetracycline hydrochloride	CMS219-5G	Himedia/Ấn Độ	Chai 5g. Cụng thức: C22 H24 N2 O8 ã HCl; Trọng lượng phõn tử: 480,90.	Chai 5g	1
32	Nystatin	PCT1112-1VL	Himedia/Ấn Độ	Chai vial (1.000.000 units/1 vital); Cụng thức phõn tử: C47H75NO17; Trọng lượng phõn tử: 926.09500.	Chai	1
33	Mụi trường DMEM		Thermo Fisher	Chai 500 ml, tiệt trụng, chứa glucose, L-glutamine, Non Essential Amino Acids, Sodium pyruvate và Phenol Red. Thớch hợp cho nuụi cấy tế bào động vật.	Chai 500ml	9
34	MTT (3-(4,5-Dimethylthiazol-2-yl)-2,5-Diphenyltetrazolium	M2128-1G	Merck/Đức	Cụng thức phõn tử: C18H16BrN5S Trọng lượng phõn tử: 414.32 g/mol. Độ tinh khiết: 98%; Dạng hột màu vàng đậm. Độ hũa tan H2O: 5 mg / Ml, 2-methoxyethanol: soluble 20 mg/mL, ethanol: soluble 20 mg/mL; Nhiệt độ lưu trữ. 2-8 °C; Quy cỏch 1g/hộp.	Chai 1g	1
35	Huyết thanh thai bũ FBS	C8056-500ML	Sigma/Mỹ	Chai/500ml đó tuyệt trụng Cụng dụng bổ sung sắt, phự hợp cho nuụi cấy tế bào.	Chai 500mL	1
36	PSN Antibiotic Mixture	P4083-100ML	Sigma/Mỹ	Chai 100mL vụ trụng, chứa ~5.000 đơn vị penicillin, 5 mg streptomycin và 10 mg neomycin/mL, thớch hợp cho nuụi cấy tế bào. Bảo quản -20°C	Chai 100mL	2

Kính mời đơn vị tham gia chào giá với nội dung:

- Giá đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác;
- Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Quốc tế, Khu phố 33, Phường Linh Xuân, TP.HCM;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo tiến độ của đề tài, dự kiến trong 180 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết;
- Yêu cầu: Quý Công ty chào giá đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thư chào giá;
- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

Nội dung báo giá gửi về:

+ Người nhận: Trương Phước Long;

+ Văn phòng Khoa Kỹ thuật Y sinh (O1.405) - Trường Đại học Quốc tế;

+ Địa chỉ: Khu phố 33, Phường Linh Xuân, TP.HCM;

+ Ngoài bìa thư ghi rõ: Báo giá theo Thư mời chào giá số 29/BG-KTYS.

Điện thoại liên hệ: 028.3724.4270 - Ext: 3296.

Thời gian báo giá: **Đến hết ngày 17/3/2026**.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Khoa KTYS

Chủ nhiệm đề tài

Trương Phước Long